

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2018

**“V/v tranh chấp ly hôn và
tranh chấp nuôi con”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Bà Thạch Thị Yến Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Diệp Tấn Sỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Phạm Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Phạm Thị L: Ông Lê Văn V, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T(có mặt).

- ***Bị đơn:*** Đoàn Văn P, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2018 của nguyên đơn Phạm Thị L và lời trình bày của ông Lê Văn V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị L tại phiên tòa hôm nay trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003 chị L và anh Đoàn Văn P xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C. Quá trình chung sống anh P hay uống rượu không chăm lo làm ăn, nhiều lần có lời lẽ xúc phạm và có đánh chị, không quan tâm vợ con nên chị L về nhà cha mẹ ruột cũng tại ấp L, xã H sống, sau khi sống riêng tình cảm giữa chị L và anh P không hàn gắn lại, do anh P không thay đổi tính tình vẫn thường uống rượu mà không chăm lo gia đình. Do đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn P.

- Về con chung tên Đoàn Thị Anh T sinh ngày 12/7/2003, hiện chị L đang nuôi nên chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị L không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không có yêu cầu nào khác.

Phía bị đơn Đoàn Văn P vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh P có lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thừa nhận trong cuộc sống giữa anh và chị L có lời qua tiếng lại cãi vã với nhau và đã sống ly thân nhưng anh thấy còn thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị L. Anh P không có ý kiến gì thêm và không có tranh chấp nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của anh P chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Đoàn Văn P và giao con chung tên Đoàn Thị Anh T sinh ngày 12/7/2003 cho chị L được quyền nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Xét thấy chị Phạm Thị L thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Đoàn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn P.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con đối với anh Đoàn Văn P nên xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy giữa chị Phạm Thị L và anh Đoàn Văn P chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị L và anh P là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị L và anh P luôn bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau, sau khi sống riêng thì không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn lại. Anh Đoàn Văn P đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh P không cung cấp tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án xem xét, tuy nhiên anh P có lời khai yêu cầu được hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh P không đến tham dự phiên hòa giải mà không có lý do nên xét thấy anh P không có thiện chí hàn gắn.

Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc vì giữa anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn P. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh P ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn với anh P là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L.

- **Về con chung:** Chị L và anh P xác định con chung tên Đoàn Thị Anh T sinh ngày 12/7/2003, chị L yêu cầu được nuôi con và cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Xét thấy, cháu T do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và trong thời gian nuôi cháu T thì chị L đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, tinh thần và cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với chị L; phía anh P không đặt ra vấn đề tranh chấp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Anh T cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nhưng chị L không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:** Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết thì chị L và anh P không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng xét thấy chị L là cá nhân thuộc hộ nghèo, chị L có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Phạm Thị L và anh Đoàn Văn P được ly hôn với nhau.

- **Về quyền nuôi con:** Giao chị Phạm Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Đoàn Thị Anh T sinh ngày 12/7/2003.

Anh Đoàn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Phạm Thị L được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Đoàn Văn P vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kim Thoa